

Số: 100 /TB-CCQLTT

Quảng Trị, ngày 11 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Điều 56 Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính: số 2974/QĐ-XPHC ngày 06/12/2024, số 3004/QĐ-XPHC ngày 10/12/2024, số 3234/QĐ-XPHC ngày 26/12/2024, số 3308/QĐ-XPHC ngày 31/12/2024, số 3309/QĐ-XPHC ngày 31/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị; số 32000002/QĐ-XPHC ngày 15/01/2025 của Cục trưởng Cục quản lý thị trường tỉnh Quảng Trị (nay là Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Trị);

Căn cứ các Phương án: số 1740/PA-QLTTQT ngày 31/12/2024, số 91/PA-QLTTQT ngày 22/01/2025, số 131/PA-QLTTQT ngày 13/02/2025 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Trị về việc xử lý tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu;

Căn cứ các Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu: số 77/QĐ-UBND ngày 13/01/2025, số 344/QĐ-UBND ngày 17/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị; số 137/QĐ-QLTTQT ngày 14/02/2025 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Trị.

Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Trị thông báo lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thực hiện đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu với các nội dung sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá

- Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Trị.
- Địa chỉ: 130 Trần Hưng Đạo, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
- Điện thoại: 02333 550 240.

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng, giá khởi điểm của tài sản đấu giá

- **Lô tài sản thứ nhất:** Tài sản đấu giá là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu tại các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính: số 2974/QĐ-XPHC ngày 06/12/2024, số 3004/QĐ-XPHC ngày 10/12/2024, số 3234/QĐ-XPHC ngày 26/12/2024, số 3309/QĐ-XPHC ngày 31/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị; bao gồm mặt hàng: 17.994 kg đường cát trắng, vàng các loại, loại 50kg/bao do Thái Lan sản xuất.

Giá khởi điểm: 321.976.000 đồng.

Bằng chữ: Ba trăm hai mươi mốt triệu, chín trăm bảy mươi sáu ngàn đồng.

- **Lô tài sản thứ hai:** Tài sản đấu giá là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 32000002/QĐ-XPHC ngày 15/01/2025 của Cục trưởng Cục quản lý thị trường tỉnh Quảng Trị (*nay là Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Trị*), bao gồm mặt hàng: 20 cái loa hiệu TOA do Indonesia sản xuất, Chiết áp và khuếch đại hiệu Toa do Indonesia sản xuất, 1.348 cái thảm do Trung Quốc sản xuất.

Giá khởi điểm: **50.820.000 đồng.**

Bằng chữ: Năm mươi triệu, tám trăm hai mươi ngàn đồng.

- **Lô tài sản thứ ba:** Tài sản đấu giá là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3308/QĐ-XPHC ngày 31/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị; bao gồm mặt hàng: 469 chai rượu VODKA hiệu SMIRNOFF, hiệu GORDON'S LONDON DRY GIN 70cl/chai, 37,5% vol do Bỉ và Anh sản xuất.

Giá khởi điểm: **84.420.000 đồng.**

Bằng chữ: Tám mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi ngàn đồng

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

Tiêu chí lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc đấu giá tài sản căn cứ theo khoản 4 điều 56 của Luật đấu giá tài sản 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15 và Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp.

Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chuẩn bị, có dấu xác nhận của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với các giấy tờ, tài liệu chứng minh các tiêu chí trong hồ sơ đăng ký tham gia của mình. Cụ thể theo Bảng điểm tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

TT	Nội dung	Mức tối đa
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai,	5,0

TT	Nội dung	Mức tối
	<i>thuận tiện</i>	
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không	15,0

TT	Nội dung	Mức tối
	thành)	
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0

TT	Nội dung	Mức tối
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản)	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0

TT	Nội dung	Mức tối
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá	2,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	2,0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh Quảng Trị (không bao gồm trụ sở chi nhánh).	4,0
	Tổng số điểm	100

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có đủ điều kiện nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá trực tiếp tại:

Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ: 130 Trần Hưng Đạo, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Thời gian nộp hồ sơ: Trong các ngày làm việc, kể từ ngày 12/6/2025 đến hết ngày 16/6/2025 (trong giờ hành chính).

- Mọi chi tiết liên hệ: Ông Dương Anh Tuấn, Điện thoại: 0947333255.

5. Thời gian đánh giá hồ sơ đăng ký, thẩm định, phê duyệt và thông báo kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Trước ngày 18/6/2025.

6. Thông báo công khai về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

Nội dung thông báo này được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử của Chi cục, Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản và niêm yết tại trụ sở Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Trị, 130 Trần Hưng Đạo, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Trị trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Phó Chi cục trưởng;
- Phòng TC-HC;
- Cổng TTĐT QG về ĐGTS;
- Website Chi cục (để công khai);
- Lưu: Hồ sơ, VT.



Võ Trung Kiên